| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 / 5 / 2020
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thanh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:*** Bà Huỳnh Thị Bích Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về "*tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký HKTT: tổ 13, ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang;

Nơi sinh sống hiện nay: ấp T, xã K, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ 13, ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà H có mặt, ông P vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2020 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:* Do mai mối giới thiệu, bà H và ông P tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ năm 1995, đến ngày 05/6/2003 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố

Châu Đốc, tỉnh An Giang; số 30/HT, quyển số 01/2003 cấp ngày 05/6/2003.

Quá trình chung sống vợ chồng P sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã nguyên nhân chính do ông P gia trưởng, hay ghen, thường hành hung bà H sau khi gây gỗ và ông P dùng những từ ngữ thô tục xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà H. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà H yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1998, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án*, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: thống nhất với trình bày của bà H về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân P sinh mâu thuẫn ông P xác định giữa ông P và bà H có những mâu thuẫn do bất đồng nhiều ý kiến, tuy nhiên chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Ông P xác định có tính gia trưởng, hay ghen đôi lúc có những lời nói xúc phạm bà H dẫn đến vợ chồng gây gỗ. Tuy nhiên, ông P không thừa nhận có hành hung bà H mỗi khi vợ chồng gây gỗ như nội dung bà H nêu trong đơn khởi kiện. Ông P và bà H không sống chung với nhau từ tháng 02/2020 đến nay. Tuy không sống chung nhưng ông P và bà H vẫn cùng nhau làm ruộng tại nhà mẹ vợ ông P ở huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Do tình cảm đối với bà H vẫn còn, mong muốn cùng bà H đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông P, bà H có yêu cầu vắng mặt hòa giải.

Tại phiên tòa,

- Ý kiến nguyên đơn: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông P và xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà H và ông P có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm P sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Nguyên đơn trình bày vợ chồng P sinh mâu thuẫn, do ông P tính tình gia trưởng, hành hung bà mỗi khi vợ chồng cự cãi, còn có những lời nói xúc phạm bà cùng những người thân gia đình bà. Ông P cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do ông tính gia trưởng, hay ghen và có dùng lời nói xúc phạm bà H.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau.

Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình việc bà H yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H, ông P có 02 người con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 đã trưởng thành, có khả năng lao động và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Đồng thời, ông P đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn ông Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Đối với quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/HT, quyển số 01/2003 ngày 05/6/2003 nên

hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp, làm P sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà H cho rằng nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn với ông P do ông P có tính gia trưởng, hay ghen, khi cải vã thì dùng những từ ngữ thô tục xúc phạm và còn có hành động hành hung bà H. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Việc ông P dùng những lời lẻ thô tục xúc phạm bà H nhiều lần mỗi khi có rượu.

Ông P xác địnhvợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng nhiều ý kiến nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Ông P còn xác định có tính gia trưởng, hay ghen đôi lúc có những lời nói xúc phạm bà H dẫn đến vợ chồng cải vã. Tuy nhiên cũng chỉ vì thương vợ nên ông P mới có những hành động như vậy. Ông P và bà H không còn chung sống với nhau khoảng tháng 02/2020 đến nay.

Theo biên bản xác minh về việc ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Mỹ Nguyên (con dâu của bà H và ông P) cho rằng cha mẹ chồng (P - H) chung sống có đôi lúc xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, mâu thuẫn chủ yếu xảy ra dưới chòi sau nhà, Nguyên ở nhà trên nên chỉ nghe cự cãi một vài tiếng, không nghe ông P dùng những lời nói xúc phạm danh dự bà H mà chỉ nghe bà H nói lại. Trước tết Canh Tý (không nhớ rõ thời gian) bà H về huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang sinh sống cho đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Xét, trong cuộc sống chung vợ chồng bà H, ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông P lại không tôn trọng, tin tưởng vợ mà ghen tuông vô cớ dẫn đến có những lời lẻ thô tục xúc phạm bà H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông P là trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn P cùng xác định: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1998. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động. Bà H và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Văn P cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.

Bà Ngô Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

[2] Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0003601 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông P là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Ngọc**